

DIỆN MẠO CA DAO HÀ TIÊN: TÁI HIỆN KHÔNG GIAN TỰ NHIÊN VÀ LƯU GIỮ ĐỜI SỐNG VĂN HÓA

La Mai Thi Gia ⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 22/11/2025; Chấp nhận đăng: 30/12/2025

Email tác giả: thigialm@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

Ca dao phản ánh chân thật cảm xúc và quan niệm sống của một cộng đồng, đặc biệt với một vùng đất nhiều biến động lịch sử như Hà Tiên, ca dao còn góp phần lưu giữ ký ức lịch sử nhưng ít được quan tâm nghiên cứu. Sử dụng các phương pháp folklore như điền dã ghi chép và văn bản hóa lời kể; biên soạn, chỉnh lý và phân loại văn bản, tác giả đã có được nguồn tài liệu gồm 201 câu ca dao vốn được lưu truyền trong dân gian ở Hà Tiên. Từ đó, tác giả sử dụng phương pháp thống kê – phân loại chủ đề và phân tích nội dung nhằm nhận diện những đặc điểm của ca dao Hà Tiên trong tổng thể văn học dân gian địa phương, làm rõ vai trò trung tâm của thể loại này trong việc kiến tạo và bảo tồn bản sắc văn hóa, ký ức lịch sử vùng đất. Nghiên cứu cho thấy ca dao Hà Tiên không chỉ thể hiện tình yêu quê hương, niềm tự hào về cảnh sắc mà còn là kho tàng lịch sử truyền miệng. Bản sắc địa phương được kiến tạo qua ba phương diện: (1) ca dao địa danh như phương tiện tái hiện không gian tự nhiên và văn hóa; (2) ca dao lưu giữ truyền thống đấu tranh kiên cường và huyền tích cộng đồng; và (3) sự hiện diện của tiềm năng kinh tế biển cùng sản vật đặc trưng. Nghiên cứu khẳng định ca dao được lưu truyền trong nhân dân là nguồn tư liệu quan trọng không thể bỏ qua khi nghiên cứu về một vùng đất từ các phương diện văn hóa và lịch sử.

Từ khóa: *Ca dao, địa danh, Hà Tiên, không gian tự nhiên, ký ức cộng đồng, lịch sử - văn hóa.*

Abstract

THE FEATURES OF HA TIEN FOLK POETRY: RECONSTRUCTING NATURAL SPACE AND PRESERVING CULTURAL LIFE

Folk songs (ca dao) authentically articulate communal emotions and worldviews; in a historically turbulent region such as Ha Tien, they also serve as a repository of local historical memory, though they have long remained underexamined. Drawing on folklore-based methods—fieldwork documentation, textualization, and the compilation, editing, and classification of materials, this study analyzes a corpus of 201 ca dao collected in Ha Tien. Through thematic statistical description and content analysis, the research identifies the distinctive features of Ha Tien ca dao within the broader framework of local folklore, highlighting its central role in the construction and preservation of regional cultural identity and historical memory. The findings demonstrate that Ha Tien ca dao function not only as expressions of attachment to place and landscape but also as a form of oral historiography. Local identity is articulated through three principal dimensions: (1) place-name ca dao as representations of natural and cultural space; (2) narratives preserving traditions of resistance and communal legends; and (3) reflections of maritime economic potential and characteristic local products. The study affirms vernacular ca dao as an indispensable source for cultural and historical research on regional societies.

1. Đặt vấn đề

Hà Tiên là một trong ba thành phố của tỉnh Kiên Giang trước đây, vùng đất nằm ở cực Tây Nam Tổ quốc, nơi hội tụ những đặc điểm địa hình và cảnh quan đa dạng với vùng biển rộng, nhiều đảo lớn nhỏ, hệ thống núi đá vôi, hang động, đầm hồ và vùng sông nước đặc trưng của miền Tây Nam Bộ. Đặc điểm biển đảo và sông nước hữu tình khiến Kiên Giang trở thành một danh thắng đẹp, vào loại bậc nhất ở vùng Nam Bộ. Riêng Hà Tiên, từ lâu đã nổi tiếng với thập cảnh thiên nhiên kỳ vĩ và nên thơ. Không chỉ hiện hữu nhiều danh lam thắng cảnh do tự nhiên trù phú hào phóng ban tặng Hà Tiên còn là vùng đất của những di tích lịch sử, chứa đựng những câu chuyện của thời mở cõi khai hoang, lập làng xã. Chính những danh thắng, di tích đó đã đi vào thơ ca dân gian lẫn thơ ca bác học. Kể từ thời điểm Tao đàn Chiêu Anh Các hình thành, dòng chảy thi ca ca ngợi vẻ đẹp thơ mộng của vùng đất Hà Tiên chưa từng gián đoạn.

Là một bộ phận của văn học dân gian Kiên Giang, ca dao Hà Tiên được lưu truyền qua nhiều thế hệ trên mảnh đất Hà Tiên như một bảo vật tinh thần, thể hiện tình yêu sâu sắc và niềm tự hào đối với cảnh sắc thiên nhiên kỳ thú, đồng thời phản ánh ý thức gìn giữ ký ức lịch sử về truyền thống đấu tranh kiên cường của tiền nhân. Ca dao Hà Tiên còn là những lời hát ca về cuộc sống của con người nơi vùng đất nên thơ trữ tình, đâu còn nhiều nhọc nhằn gian khổ nhưng vẫn toát lên được cái sắc vóc của những con người hiền lành dung dị, yêu mến thi ca và trân trọng non sông gấm vóc. Nội dung ca dao Hà Tiên thiên về các chủ đề danh thắng, huyền tích và đặc sản của quê hương. Trong bài viết này, chúng tôi khái quát về đặc điểm nội dung của thể loại ca dao mà chúng tôi sưu tầm được ở Hà Tiên trong chuyến thực tập điền dã về vùng đất này. Qua chọn lọc, chỉnh lý và biên soạn, chúng tôi còn giữ lại được 201 câu ca dao, phần lớn tập trung miêu tả phong cảnh thiên nhiên kỳ thú, những địa danh ghi dấu lịch sử và những huyền tích không rõ thực hư nhưng có thể thấy được trong ấy là niềm yêu mến tự hào của người dân về quê hương xứ sở.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Địa giới hành chính không phải phải lúc nào cũng trùng khớp với địa giới văn hoá, văn học dân gian Hà Tiên chắc chắn không thể chỉ bó hẹp trong thành phố Hà Tiên. Vì thế mà dù là những tác phẩm văn học dân gian sưu tầm trong phạm vi thành phố Hà Tiên, nhưng nội dung phản ánh một không gian văn hoá rộng lớn hơn, không gian văn hoá Kiên Giang duỗi mình theo biển và không gian văn hoá Nam Bộ. Trong đó chủ thể văn hoá không chỉ là lưu dân người Việt từ miền Trung, miền Bắc mà cả những cư dân bản địa như người Khmer và nhóm cư dân đã có công biến miền đất hoang vu này thành một thương cảng sầm uất - những người Hoa kiều. Do đó những nét văn hóa vật chất lẫn tinh thần của địa phương được ghi lại trong kho tàng ca dao Hà Tiên được hiểu là đặc trưng văn hóa chung của các tộc người cùng cộng cư và dựng xây nên vùng đất xinh đẹp này.

Nghiên cứu dựa trên hệ thống lý thuyết về văn học dân gian và folklore học, trong đó xem ca dao như một hình thức biểu đạt văn hóa, phản ánh không gian sống, tâm thức cộng đồng và ký ức lịch sử của cư dân địa phương. Các công trình nghiên cứu về Kiên Giang và Hà Tiên cung cấp những thông tin quan trọng về văn hóa đặc thù của địa phương và đặc điểm nội dung văn học dân gian của Kiên Giang nói chung cho bài viết, tiêu biểu như: *Tìm hiểu Kiên Giang* (Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Kiên Giang,

1986), *Văn học miền Nam – Văn học Hà Tiên* của Đông Hồ (1970), *Thơ văn Kiên Giang trong nhà trường* do Lê Trí Viễn chủ biên (1990); *Kiên Giang qua ca dao* của Giang Minh Đoán (1997), *Ca dao – hò về sưu tầm trên đất Kiên Giang* (Trương Thanh Hùng, 2016), hay *Biển trong văn học dân gian Kiên Giang* (Trần Thị Hoàng Mỹ, 2016). Những nghiên cứu này nhấn mạnh vai trò của cảnh quan biển đảo, của cộng đồng cư dân đa tộc người (Việt – Hoa – Khmer) và truyền thống sinh hoạt văn hóa gắn với sông nước, mở ra hướng tiếp cận liên ngành giữa văn học dân gian và văn hóa học. Đối với văn học dân gian Hà Tiên nói riêng, các tài liệu đã được chỉnh lý, biên soạn và văn bản hóa từ các tác phẩm sưu tầm truyền miệng trong khuôn khổ dự án *Địa chí Hà Tiên* do trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn, TP.HCM chủ trì (Võ Văn Sen và nnk, 2025) chính là đối tượng khảo sát và nghiên cứu chính giúp nhận diện đặc điểm thể loại, phạm vi phân bố và chủ đề nội dung của văn học dân gian địa phương. Nhìn chung các công trình nghiên cứu và sưu tầm được đều cho thấy ca dao Hà Tiên gắn liền với không gian thiên nhiên kỳ thú, di tích lịch sử – văn hóa và tâm thức thẩm mỹ của cư dân vùng biển đảo.

Nghiên cứu tiếp cận theo hướng liên ngành bao gồm: (1) Phương pháp folklore được thực hiện tại thành phố Hà Tiên vào tháng 3/2025 để thu thập lời kể, văn bản ca dao từ cư dân địa phương như ngư dân, tiểu thương là những người cao tuổi am hiểu văn hóa dân gian. Quá trình điền dã được hỗ trợ bằng các kỹ thuật ghi âm, ghi chép và quan sát tham dự. (2) Phương pháp biên soạn, chỉnh lý và phân loại văn bản văn học dân gian để xử lý nguồn tài liệu thô sau điền dã. Thể loại ca dao được chỉnh lý theo nguyên tắc giữ gìn ngôn ngữ địa phương, loại bỏ trùng lặp và phục nguyên các dị bản. Cuộc khảo sát sưu tầm được 201 câu ca dao là nguồn tư liệu chính trong nghiên cứu này (3) Phương pháp thống kê và miêu tả được dùng để phân loại chủ đề và phân tích nội dung của các nhóm ca dao về *địa danh và cảnh quan; huyền tích – ký ức cộng đồng; đời sống kinh tế biển và sản vật địa phương* và trong phạm vi nghiên cứu này không bàn đến những câu ca dao về tình yêu nam nữ, tình cảm gia đình

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Ca dao địa danh: tái hiện không gian tự nhiên và văn hoá

Nhắc đến danh thắng Hà Tiên, hết thầy ai ai cũng đều có thể trưng tác phẩm *Hà Tiên thập cảnh khúc vịnh* của Mạc Thiên Tứ làm bằng chứng, và các địa danh non nước hữu tình được nhắc đến trong các bài thơ đó là: Đông Hồ, Lộc Trĩ, Nam Phố, Lư Khê, Tiêu Tự, Giang Thành, Châu Nham, Kim Dự, Bình San, Thạch Động. Đông Hồ, nhà thơ trú danh của vùng đất Hà Tiên, đã dành cho quê hương mình những lời yêu mến trân trọng, khiêm nhường, giản dị mà đầy tự hào: “...Hà Tiên dễ yêu, dễ cảm nhiễm người, vì ở đó núi rừng không cao rậm lắm, đến cho người ngắm hải hùng, biển hồ không sâu rộng lắm, đến cho người nhìn kinh sợ. Ở đó như một cảnh giả sơn thân mật, trong hoa viên, mỗi cảnh nhỏ nhỏ xinh xinh vừa đủ để cho tầm ngoạn thưởng. Ở đó kỳ thú thay, như hầu đủ hết” (Đông Hồ, 1970).

Sự “như hầu đủ hết” mà Đông Hồ nhắc đến ở trên chính là địa hình kỳ lạ của vùng đất tận cùng phương Nam này: có biển, có đảo và quần đảo, có sông hồ, có núi, có hang động... hầu như những nét đẹp do thiên nhiên sinh tạo, Hà Tiên đều có cả, từ biển đến sông từ núi đến đồi, từ đảo đến hang động, nhất nhất đều khiến lòng người đắm say mê mị một khi vừa đặt chân tới đây. Thế nên dân gian Hà Tiên vẫn cứ ngân nga mãi những câu ca dao về vẻ đẹp của vùng đất nơi có thiên nhiên dịu dàng như lòng người nhân hậu bao dung, câu ca

dao như một lời mời gọi và hứa hẹn:

*“Về đây với đất Hà Tiên
Sóng xanh như thể mẹ hiền bao dung”*

Trong nhóm ca dao địa danh mà chúng tôi sưu tầm được ở Hà Tiên, lần lượt từng danh thắng của xứ sở này cứ hiện lên như những bức tranh nhiều màu sắc, ghép lại với nhau thành một bức thiên nhiên Hà Tiên tuyệt mỹ. Nhắc đến Hà tiên phải nghĩ ngay đến cảnh đẹp Đông Hồ và núi Tô Châu:

*“Đông Hồ ai lắng mà trong
Tô Châu ai dựng mà trông cao vời”*

Từ thời Mạc Thiên Tứ, Đông Hồ đã được xem là một trong những thắng cảnh thơ mộng bậc nhất của vùng đất Hà Tiên. Từ đỉnh núi Tô Châu nhìn xuống, ta có thể phóng tầm mắt chiêm ngưỡng toàn cảnh đầm Đông Hồ – một vùng nước mênh mông nằm ở cửa sông Giang Thành, tiếp giáp với biển. Càng đi sâu vào trong, Đông Hồ hiện ra như một ốc đảo riêng biệt, yên tĩnh và thanh bình, tách biệt với thế giới xô bồ bên ngoài. Dân gian vùng này vẫn truyền lại rằng vào khoảng ba thế kỷ trước, Tổng trấn Hà Tiên Mạc Thiên Tứ, người sáng lập tao đàn Chiêu Anh Các đã từng cùng các thi nhân hội tụ bên đầm Đông Hồ để ngắm trăng, vịnh thơ vào đêm rằm. Chính trong không gian huyền ảo và thanh tịnh ấy, hình ảnh trăng soi bóng mặt hồ đã khơi gợi cảm hứng để các văn nhân đặt tên cho thắng cảnh này là “Đông Hồ ẩn nguyệt” – tức trăng in mặt hồ Đông. Tên gọi ấy đã đi vào thi ca và trở thành một phần không thể thiếu trong *Hà Tiên thập cảnh*, di sản văn hóa đặc sắc của vùng đất địa đầu phương Nam.

Tô Châu là một ngọn núi nhỏ nằm ở phía tây đầm Đông Hồ, thuộc phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên. Từ đỉnh núi, du khách có thể chiêm ngưỡng toàn bộ đầm Đông Hồ với vẻ đẹp yên bình, nên thơ. Xa hơn, toàn cảnh Hà Tiên hiện ra nhỏ bé, thanh bình, nhịp sống chậm rãi mà đầy sức sống. Cũng bởi phong cảnh hữu tình ấy, dân gian nơi đây thường truyền tụng một câu thơ mộc mạc:

*“Chiều chiều lên núi Tô Châu
Ngắm nhìn phong cảnh Hà Tiên trữ tình”*

Lên núi ngắm cảnh, tưởng là hành động nhìn ra và nhìn lên để chiêm ngưỡng trời mây non nước bao la rộn ngọn vây quanh, nhưng không, đây là hành động nhìn xuống, nhìn vào trong để chiêm nghiệm, suy tư, để hiểu thấu về vùng đất nên thơ của quê hương xứ sở. Ngắm Hà Tiên từ trên đỉnh Tô Châu không chỉ thấy được nét đẹp của phong cảnh mà còn cảm được phong vị trữ tình ẩn sâu trong từng ngọn núi, con sông, một trải nghiệm không chỉ bằng thị giác mà còn bằng cảm giác, gọi nên cảm giác yêu quý, tự hào truyền thừa qua bao thế hệ cư dân nơi đây.

Đông Hồ, Tô Châu là hai danh thắng liên tục được nhắc đến trong văn học dân gian Kiên Giang nói chung chứ không chỉ riêng với thể loại ca dao mà chúng tôi sưu tầm được trong địa phận Hà Tiên. Một lần nữa chúng lại được gọi tên trong ca dao cùng với những địa danh quen thuộc khác của Hà Tiên:

*“Ngó ra Dinh Cậu lù mù,
Đông Hồ, Thị Vạn, Tô Châu, Pháo Đài”*

Nếu như Dinh Cậu là một miếu thờ ngư thần trong tín ngưỡng dân gian của người địa phương thì Thị Vạn được cho là tên gọi của một khu dân cư xưa và Pháo Đài lại là một địa danh gắn liền với lịch sử quân sự, phòng thủ biên giới, như một cửa thành thiên nhiên của

vùng đất Hà Tiên. Địa danh Pháo Đài còn được tìm thấy trong câu ca dao khác cùng với biển Mũi Nai như:

*“Kể từ ra khỏi Pháo Đài
Dòng sông nước chảy dọc dài Mũi Nai”*

Bên cạnh thắng cảnh, Hà Tiên còn có những di tích - văn hoá lịch sử đáng chú ý như Lăng Mạc Cửu, đền thờ Nguyễn Trung Trực cùng nhiều đền chùa khác, hiện diện sinh động trong sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo của người dân vùng đất này. Ở Hà Tiên có những ngôi chùa đẹp, tọa lạc ngay trong thành phố và trên các ngọn núi, trong các hang động như chùa Phù Dung, chùa Tam Bảo, chùa Ông Bồn, chùa Quan Đế, chùa Bà Cửu Thiên,... Có lẽ do sự hiện diện của nhiều ngôi chùa cổ kính, linh thiêng và có giá trị kiến trúc – văn hóa – tâm linh đặc sắc nên từ lâu dân gian đã xem Hà Tiên như là một vùng “đất Phật”:

*“Hà Tiên đất Phật người hiền
Hà Tiên một cõi thiên nhiên hữu tình”*

“Đất Phật người hiền” là một cách nói phổ biến trong ca dao Nam Bộ để ca ngợi những vùng đất có truyền thống đạo đức và tín ngưỡng sâu sắc. Câu ca dao gợi lên hình ảnh Hà Tiên như một vùng đất linh thiêng, nơi đạo Phật thấm sâu vào từng tấc đất, đời sống an lành, người dân hiền hòa, nhân hậu. Cùng với đó là cảnh sắc thiên nhiên nên thơ và gợi cảm, hòa quyện giữa núi, sông, biển với hang động, chùa chiền. Câu ca dao trên đã làm sắc nét vẻ đẹp hài hòa giữa thiên nhiên và con người tại vùng đất có đời sống tâm linh phong phú.

*“Hà Tiên đất Phật người hiền
Hễ ai tiếp xúc là ghiền thấu xương”*

Một lần nữa cụm từ “đất Phật người hiền” được người dân Kiên Giang dùng lại trong ca dao địa phương, không chỉ nhằm để ca ngợi vẻ đẹp cảnh quan hay đạo hạnh, mà còn thể hiện sức hấp dẫn mạnh mẽ của vùng đất khiến du khách quyến luyến đậm sâu tới mức "ghiền thấu xương" theo cách nói dí dỏm, bình dị và tiêu tảo như tính cách đặc trưng của người Nam Bộ. Đó chẳng phải là một lời mời gọi, rủ rê hết sức chân thành và quyến rũ hay sao? Mà không “ghiền thấu xương” sao được khi chỉ cần đặt chân đến Hà Tiên là du khách tưởng như mình đã được thưởng ngoạn hết những kỳ quan thiên nhiên tươi đẹp của đất nước Việt Nam. Tất cả đều có mặt ở Hà Tiên với “một ít hang sâu, động hiểm của Lạng Sơn. Có một ít ngọn đá chơi voi giữa biển của Hạ Long. Có một ít núi vôi của Ninh Bình, một ít thạch thất sơn môn của Hương Tích. Có một ít Tây Hồ, một ít Hương Giang. Có một ít chùa chiền của Bắc Ninh, lăng tẩm của Thuận Hóa, có một ít Đồ Sơn, Cửa Tùng, có một ít Nha Trang, Long Hải...” (Đông Hồ, 1970).

Nhìn chung, nội dung nhóm ca dao về địa danh ở Hà Tiên đã cho thấy cách cộng đồng tái hiện cảnh quan tự nhiên của địa phương thông qua việc gắn cảm xúc và văn hóa vào không gian cư trú của mình. Những địa danh trong ca dao không chỉ là tọa độ địa lý, mà trở thành biểu tượng văn hóa, nơi cảnh quan và tâm thức dân gian gặp gỡ. Nhờ đó, hình ảnh Hà Tiên hiện lên như một không gian văn hoá đặc thù, được cộng đồng vừa lưu giữ vừa tái tạo qua thời gian.

3.2. Ca dao – nơi lưu giữ ký ức cộng đồng, khi mỗi địa danh đều mang một câu chuyện

Không chỉ có đầm, sông, suối, hồ, ở Hà Tiên còn có biển xanh chạy dọc theo con đường xuyên qua thành phố, và lẫn vào các ngọn núi trong vùng là không biết bao nhiêu hang động lớn nhỏ, mỗi hang động lại gắn với một giai thoại riêng, giai thoại nào cũng

huyền bí, cũng đầy hấp dẫn như hang Trống Ngực, hang Bồng lai, hang Khổ qua hay Thạch Động:

*“Ai xây Thạch Động em ơi
Mũi Nai ai đắp nên ngôi biển xanh”*

Biển Mũi Nai của Hà Tiên là một trong những điểm đến tiêu biểu của vùng ven biển Tây Nam Bộ. Khu vực này nổi bật với không khí trong lành, cảnh quan yên bình và địa hình ven biển đặc thù. Khác với các bãi biển nổi tiếng dọc duyên hải miền Trung hay Nam Bộ như Vũng Tàu, cát ở Mũi Nai mang sắc nâu đặc trưng do sự pha trộn giữa cát biển và lớp phù sa, một loại bùn khoáng tự nhiên. Màu sắc lạ lẫm này có thể gây nên một chút e ngại nhưng lại góp phần tạo nên bản sắc riêng biệt của Mũi Nai, trở thành một trải nghiệm độc đáo đối với du khách yêu thích khám phá. Một truyền thuyết về Mũi Nai của Hà Tiên được kể rằng: “xưa kia có một chú nai thần hay ra bờ biển uống nước, do mãi mê với cảnh đẹp nên quên mất đường về rừng thiêng. Chú nai bèn ngơ ngẩn quay lại với biển, gió chướng nổi lên, chú bị kẹt lại và chìm trong biển. Vì địa hình là mũi đất doi ra biển nên người dân ở đây gọi là Mũi Nai” (Trần Thị Hoàng Mỹ, 2016).

Nằm không xa Mũi Nai là Thạch Động, một khối núi đá vôi có hình dáng độc đáo và bên trong là hệ thống hang động tự nhiên phong phú, Thạch Động không chỉ nổi bật về mặt địa chất mà còn chứa đựng giá trị văn hóa, tín ngưỡng đặc sắc. Thắng cảnh này được thi hóa thành “Thạch Động vân”, một trong mười cảnh đẹp được Mạc Thiên Tứ đưa vào thi phẩm *Hà Tiên thập cảnh*, phản ánh sự giao thoa giữa cảnh sắc thiên nhiên và không gian văn hóa địa phương. Thạch Động gắn liền với câu chuyện cổ tích về chàng trai đồn củi họ Thạch, và nơi đây là hang động mà chim đại bàng đã giam giữ nàng công chúa Quỳnh Hoa. Trong hang có một đường thông lên giếng trời, khi ánh nắng rọi xuống khiến cho nhiều vách đá trong hang động sáng lên nhiều màu sắc, dân địa phương cho rằng đó chính là con đường mà Lý Thông đã thả thang dây cho Thạch Sanh trèo xuống đưa công chúa lên. Trong Thạch Động còn có một con đường nhỏ thông ra đến tận biển Mũi Nai, tương truyền đó chính là con đường mà con trai của vua thủy tề sau khi được Thạch Sanh cứu đã đưa chàng về tận Long cung. Về sau này, khi Thạch động được dùng làm địa điểm tham quan du lịch thì chính quyền đã cho lấp con đường xuống âm phủ này để bảo đảm an toàn cho du khách. Thạch Động còn được nhắc đến trong câu ca dao:

*“Hà Tiên cảnh đẹp tuyệt vời
Có hang Thạch Động, có chùa Phù Dung”*

Chùa Phù Dung hay còn gọi là Phù Dung cổ tự ở Hà Tiên gắn liền với một giai thoại đầy bi thương về câu chuyện tình của ngài Tổng trấn Mạc Thiên Tích và “nàng Ái Cơ trong chậu úp” - Phù Dung. Ngôi chùa này trước đây là một chiếc am được xây nên cho nàng Ái Cơ tu hành, khi nàng qua đời cũng được an táng tại đây. Từ lâu, địa danh này đã nổi tiếng linh thiêng, người dân địa phương tin rằng vùng núi này có linh khí, thanh tịnh nên phù hợp làm nơi lánh đời tu tập.

Sự tích về nàng Ái Cơ còn được nhắc đến chi tiết hơn và thể hiện cảm xúc tiếc nuối của người dân địa phương dành cho số phận của nàng trong câu ca dao:

*“Ngó lên am tự Phù Cừ
Thương cho người ngọc giã từ lâu son”*

Câu ca dao gợi mở lòng thương cảm sâu sắc của dân gian đối với nàng Phù Cừ (tên của một loài sen trắng, tương truyền mẹ của nàng đã đặt cho nàng khi mới lọt lòng) – một giai nhân tài sắc vẹn toàn đã phải rời bỏ cuộc sống vinh hiển để nương náu nơi

cửa Phật. Vốn xuất thân trong bối cảnh có địa vị và nhan sắc, bà phải đối diện với bi kịch tình duyên và sự ghẻ lạnh chốn gia thất, từ đó lựa chọn con đường xuất gia như một hình thái giải thoát khỏi trần thế. Hình ảnh “người ngọc già từ lâu son” trở thành biểu tượng cô đọng cho nghịch cảnh hồng nhan và cho hành động đoạn tuyệt với quyền lực, dục vọng và hệ lụy đời sống thế tục. Sự hiện diện của bà trong không gian am tự Phù Cừ, với đời sống tu hành thanh tịnh, đã khoát lên địa danh này sắc thái tâm linh đặc thù, phản ánh quan niệm về sự buông xả và an trú nội tâm trong truyền thống văn hóa Phật giáo Nam Bộ

Phương thức sáng tác ca dao dùng địa danh kể chuyện đã khiến cho mỗi địa danh đều như kết nối với lịch sử và tâm linh. Mỗi huyền thoại, huyền tích được kể lại trong ca dao đều khiến cho người đọc được khơi gợi trí tưởng tượng, tìm hiểu sâu hơn để rồi hiểu được vì sao lòng tin tưởng, tự hào về truyền thống văn hoá của cha ông cứ len lỏi mãnh liệt trong tâm thức của cộng đồng cư dân đến thế.

Trong số những địa danh gắn liền với lịch sử và truyền thuyết, không thể không nhắc đến núi Bình San:

*“Núi Bình San đẹp tuyệt vời
Chở che họ Mạc người đời biết ơn”*

Núi Bình San cũng một thắng cảnh được ca tụng là đẹp vào loại bậc nhất vào thời Mạc Thiên Tứ. Ngọn núi này đã đi vào thơ ca bác học và được ca tụng như một bức tranh phong cảnh tuyệt mỹ khi gam màu xanh phủ vây “tầng tầng lớp lớp” và không khí thì mát mẻ, trong lành. “Bình San điệp thúy”¹ này xưa kia là nơi đã diễn ra những nghi lễ quan trọng như nghi lễ tế trời, tế thần đất, thần sông hay những vị anh hùng đã hy sinh vì đất nước. Từ trên ngọn núi này nhìn ra xung quanh, những danh thắng khác của Hà Tiên như Mũi Nai, Thạch Động, hòn Phụ Tử đều có thể lọt vào tầm ngắm. Hà Tiên nhìn từ đỉnh Bình San đẹp như một bức tranh thủy mặc, vừa bí ẩn, vừa quyến rũ, lại vừa mênh mông hoang sơ. Núi Bình San trong câu ca dao này không chỉ được nhắc đến như một phong cảnh tự nhiên mà khi kết nối với câu tiếp theo đã hiện diện như một di tích lịch sử và văn hoá. Một ngọn núi hùng vĩ và linh thiêng đã “chở che họ Mạc” - một dòng họ không chỉ là tiền hiền khai phá vùng đất Hà Tiên mà còn phát triển vùng đất này thành một trung tâm văn hoá thương mại quân sự rực rỡ ngay khi vừa được hình thành. Mạc Cửu - người khai sinh ra vùng đất cùng với hậu duệ đời sau của họ Mạc đều được an nghỉ và được chở che bởi ngọn núi này. Câu ca dao cho thấy truyền thống đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của người Việt Nam nói chung cho dù ở bất kỳ vùng miền nào. Người Hà Tiên dùng ca dao để thay lời tri ân “người đời biết ơn” đến với một dòng họ đã đổ bao xương máu, trí tuệ và tình yêu cho con cháu đời sau kể từ ngày mở cõi. Nhờ có công lao khai phá và xây dựng của dòng họ Mạc mà Hà Tiên đã hình thành và phát triển rực rỡ, trở thành biểu tượng của một vùng đất biên viễn vừa giàu bản sắc văn hóa vừa giữ vai trò chiến lược trong việc mở rộng và bảo vệ cương vực quốc gia.

Nhắc đến ca dao kể chuyện, còn phải kể đến câu ca dao về thắng cảnh hòn Phụ Tử ở huyện Bình An, gắn liền với một sự tích rất cảm động về tình cảm cha con mà trong quá trình điền dã, chúng tôi cũng đã thu nhận được do nhiều người dân ở Hà Tiên kể lại:

*“Bình An cảnh đẹp tuyệt vời
Có hòn Phụ Tử cảnh trời thêm xinh”*

¹ Tên bài thơ thứ 2 trong *Hà Tiên thập vịnh* của Mạc Thiên Tứ

Hay

*“Hà Tiên sóng vỗ đợi chờ,
Một hòn Phụ Tử ẩn mờ trong mây”*

Sự tích suu tầm được ở vùng đất này kể rằng, ngày xưa vùng biển Hà Tiên có một con thuyền luồng khổng lồ rất hung ác, hay đánh đắm thuyền bè của ngư dân để bắt người ăn thịt. Con người căm ghét và sợ hãi nó, bao nhiêu người mất thân nhân, đau đớn khóc than nhưng không làm gì được nó. Trước cảnh đau thương của đồng bào, một ngư dân đã quyết hy sinh thân mình để giải nạn cho dân làng. Ông tẩm thuốc độc khắp người mình và nằm sát mé biển để dụ con ác long. Con thuyền luồng thấy mồi ngon liền ngậm ngay một phát đứt đầu ông rồi bị thuốc độc từ đầu của ông ngấm vào mà chết. Con trai của người ngư dân đi tìm cha, thấy xác cha mất đầu nằm bên mé biển thì rất đau lòng nên đã ôm thân thể đã nguội lạnh của cha mà than khóc, nào ngờ thuốc độc từ thân thể cha ngấm vào người nên anh cũng chết theo. Sau đó trời nổi giông bão, mưa suốt mấy ngày liền, nơi hai cha con nằm mọc lên hai hòn đá lớn và nhỏ. Hòn to là cha và hòn nhỏ là con, dân ở đây gọi là hòn Phụ Tử rồi các thế hệ đời sau cứ tiếp nối nhau kể lại câu chuyện cảm động này.

Như thế, ca dao Hà Tiên, với hệ thống địa danh dày đặc và phong phú trong nội dung, thể loại văn học dân gian này đã trở thành một hình thức mà dân địa phương lưu giữ ký ức của mình. Trong ca dao, mỗi tên đất, tên núi, tên hang động đều được dân gian gắn vào một lớp nghĩa văn hoá – lịch sử – tâm linh, trở thành những địa danh chiếm vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của nhân dân. Thông qua việc kể chuyện bằng địa danh, ca dao không chỉ lưu giữ ký ức về cảnh quan bằng truyền thuyết, mà còn kiến tạo một bản sắc địa phương được bồi đắp qua nhiều thế hệ. Những địa danh ấy, khi bước vào ca dao, vượt khỏi vai trò chỉ dẫn không gian để trở thành biểu tượng, chuyên chở cảm xúc, đạo lý và niềm tự hào của cư dân Hà Tiên đối với vùng đất mà họ gắn bó và gìn giữ.

3.3. Ca dao Hà Tiên – nơi thể hiện tiềm năng kinh tế biển và những sản vật địa phương dồi dào

Với đặc điểm địa hình là vùng ven biển rộng lớn cùng hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt như sông Cái Lớn, Cái Bé, kênh Rạch Sỏi, kênh Ba Thê, Thốt Nốt và Giang Thành, Hà Tiên là một địa bàn giàu tiềm năng kinh tế biển, đặc biệt trong lĩnh vực nuôi trồng và đánh bắt thủy sản. Bên cạnh đó, vùng biển Hà Tiên cùng tuyến kênh Vĩnh Tế đóng vai trò quan trọng trong giao thông đường thủy và phòng thủ biên giới phía Tây Nam tỉnh Kiên Giang. Kênh Vĩnh Tế được khởi công vào năm 1819, dưới triều vua Gia Long, do Thoại Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại chỉ huy đào, nối liền Châu Đốc với vùng ven biển Hà Tiên. Tuyến kênh này có vị trí liền kề và đóng vai trò chiến lược trong việc khai thông vùng đầm lầy, vận chuyển hàng hóa và bảo vệ cương vực quốc gia. Những câu ca dao dưới đây đã thể hiện được vai trò quan trọng của nền kinh tế biển và sông nước của Hà Tiên, từ lúc mới khai hoang, việc buôn bán giao thương trên biển và trên sông đã phát triển và ngày càng sầm uất:

*“Đường từ Châu Đốc, Hà Tiên
Có kênh Vĩnh Tế nối liền hai nơi”*

Hay:

*“Kênh Vĩnh Tế, biển Hà Tiên
Ghe thuyền xuôi ngược bán buôn dập dìu”*

Với đường bờ biển dài 26 km tiếp giáp vịnh Thái Lan và hệ thống đảo lớn nhỏ phong phú, Hà Tiên hình thành một không gian sinh thái biển đặc thù, nơi kinh tế ngư nghiệp giữ vai trò trọng yếu trong đời sống cư dân. Những tri thức và kinh nghiệm đi biển lâu đời ấy được kết tinh không chỉ trong ca dao mà còn trong tục ngữ địa phương, thể hiện cách người dân quan sát và đúc kết quy luật tự nhiên: “*Có nước có cá, có rạ có cua*”, “*Đi biển nhớ phương, đi đường nhớ hướng*”, “*Cây trái nhiều thì lá ít, nước cá nhiều thì đục không hay*”. Đặc biệt, câu ca dao mở đầu theo motif quen thuộc của văn học dân gian Nam Bộ:

*“Chiều chiều qua nói với điều
Kiên Giang, Rạch Giá có nhiều cá tôm”*

đã gợi lên hình ảnh một vùng biển trù phú, nơi nguồn lợi thủy sản dồi dào trở thành biểu tượng cho sự sung túc và là nền tảng cho văn hóa biển đặc sắc của cư dân địa phương.

Ngoài tôm cá, vùng đất Kiên Giang còn nổi tiếng với các loại nông ngư phẩm dồi dào và phong phú chủng loại, không chỉ là các loại thủy hải sản trứ danh như mực, cá trích, cá mòi, các loại ốc, trai nuôi lấy ngọc... mà còn ghi lại trong ca dao những sản vật hiếm có ở nơi khác như trứng nhạn:

*“Tháng tư com gói ra Hòn
Muốn ăn trứng nhạn phải lòn hang Mai”*

Ngoài ra cá mòi kho me trong câu ca dao “*Ở lại thì sợ huyện đò/ Ra đi thì nhớ cá mòi kho me*” cũng là một món ăn đặc sản của Kiên Giang. Cá mòi là một loại cá có nhiều xương, khi ăn thường không đánh vảy, chỉ rửa sạch rồi kho với me hoặc chiên giòn, chấm nước mắm ớt. Một món ăn dân dã mà quen thuộc và gần gũi với người dân vùng biển cho nên đi đến đâu người dân nơi đây cũng không thể quên được hương vị đặc trưng của quê hương mình:

*“Ở Hà Tiên mần ăn không khá,
Anh về Rạch Giá anh bán cá mòi
Thương nhau không được ngỏ lời,
Nước trôi thăm thăm biết đời nào nên”*

Trong mạch ca dao tình yêu của cư dân Kiên Giang, một phương thức biểu đạt quen thuộc là kết hợp việc giới thiệu sản vật, nghề nghiệp địa phương với lời than thở của lứa đôi trước những giới hạn của đời sống mưu sinh. Cách lồng ghép này vừa khắc họa bối cảnh kinh tế - xã hội của vùng đất, vừa tạo chiều sâu cảm xúc cho tiếng nói trữ tình. Địa danh Rạch Giá, trung tâm thương mại và giao thông quan trọng của tỉnh Kiên Giang, tiếp tục xuất hiện trong câu ca dao sau, phản ánh rõ hơn nhịp sống và sự dịch chuyển phương thức mưu sinh của người dân vùng biển:

*Tháng hai tháng ba anh đi chở cá
Không khá anh qua Rạch Giá chở khoai lang
Tìm người bạn ngọc thử than đôi lời
Biết làm sao lên đặng ông trời
Hỏi thăm duyên nợ đời về đâu?*

Thực ra với phương thức biểu đạt kết hợp như hai bài ca dao ở trên thì công việc mưu sinh hay đặc sản địa phương cũng chỉ là cái cớ cho nhân vật trữ tình bộc bạch cảm xúc riêng tư trong tình cảm lứa đôi.

Bên cạnh cá mè kho me thì món gỏi cá nhồng cũng là một món ăn nổi tiếng về độ tươi ngon khi được ăn kèm với rau rừng và món nước chấm được chế biến một cách đặc biệt ở khắp các vùng biển của tỉnh Kiên Giang. Lời ca dao mà chúng tôi sưu tầm được ở Hà Tiên đã nhắc đến món ngon này với lời ví von thú vị:

*“Chi ngon bằng gỏi cá nhồng
Chi vui bằng được tin chồng vinh qui”*

Câu ca dao dưới đây còn kể về một sản vật của vùng biển địa phương gắn liền với việc mưu sinh truyền thống của người dân chài:

*“Thẻ mực tuy cực mà vui
Sáng đầy khênh mực cho vui vợ chồng”*

Các làng chài ở Kiên Giang, đặc biệt là ở các địa phương như Hà Tiên, Phú Quốc, nghề câu mực đêm rất phát triển, ngư dân thường ra khơi câu mực khi ánh mặt trời đã lặn, mực được câu bằng lưỡi câu chùm nên còn gọi là thẻ mực. Câu ca vừa phản ánh đời sống lao động gian khó, vừa thể hiện niềm vui, câu nói “tuy cực mà vui” thể hiện thái độ sống tích cực, lạc quan của người lao động, biết tìm niềm vui trong gian khó, trong những ngày được mùa, được đất trời ưu ái ban cho dồi dào sản vật tự nhiên. Và đó còn là niềm vui ở sự sum vầy, chia sẻ của vợ chồng, của tình nghĩa lứa đôi biết san sẻ cái cực của mưu sinh và cái vui của sự no đủ đầm ấm.

Ngoài thể loại ca dao thì trong số các tác phẩm văn học dân gian sưu tầm được ở Hà Tiên cũng có không ít câu đố nhắc đến nghề đi biển hay sản vật vùng biển như: *“Cái gì xài thì quăng đi, không xài thì giữ lại?”* (Cái neo thuyền), *“Cây nó hút nước, lá nó hút gió?”* (Cánh buồm), *“Hai cộng một, một cộng hai/ Không vẫn không dài/ Ở ngoài bể cá?”* (Con ba ba)... Đồng thời, bên cạnh sản vật là các loại hải sản thì nông sản hay sản phẩm thủ công danh tiếng của địa phương cũng được nhắc đến trong ca dao Hà Tiên với lòng yêu mến, tự hào:

*“Đưa em cho tới Đông Hồ
Em trả trái mít, em bù trái thom”*

Câu ca dao này có thể nằm trong một cặp lời hát đối đáp dân gian, giàu hình ảnh, tình tứ và cũng đậm chất địa phương, phản ánh tình cảm giao duyên giữa nam và nữ trong bối cảnh cụ thể của vùng đất Hà Tiên, nơi có địa danh Đông Hồ nổi tiếng. Sự ngọt ngào và hương thơm đậm đà, quyến rũ của trái mít, trái thom như là những hình ảnh ẩn dụ cho tình cảm yêu thương quyến luyến của cô gái muốn trả ơn, đền bù cho chàng trai đã cất công đưa cô về quê xứ.

Các loại nông sản và thủ công được nhắc đến trong bài ca dao dưới đây cũng gắn liền với các địa danh cụ thể của Kiên Giang, nơi mà người địa phương có thể tự hào về những sản vật được làm nên từ những bàn tay cần cù của con người yêu lao động:

*“Thom nào ngon bằng thom Tắc Cậu
Đưa nào đỏ bằng dưa hấu Mỹ Lâm
Chiếu Tà Niên anh trái em nằm
Phải lương duyên chồng vợ thì ngàn năm cũng chờ”*

Hai câu đầu là lời ngợi ca đặc sản nổi tiếng của hai vùng quê là thom vùng Tắc Cậu và dưa hấu vùng Mỹ Lâm, đây là những sản vật nông nghiệp địa phương nổi tiếng ngọt ngon và đẹp mắt. Hai câu sau kể câu chuyện về một sản phẩm thủ công đã từng nổi

danh khắp Nam kỳ lục tỉnh. Đó là chiếu Tà Niên, một sản phẩm thủ công tinh xảo và bền đẹp được dệt từ cây lác. Để dệt nên những chiếc chiếu khít sợi, dày, bền chắc thì người thợ dệt chiếu phải kiên trì thực hiện từng công đoạn rất tỉ mỉ, công phu và phải có óc thẩm mỹ, tinh tế để thực hiện công đoạn phối màu cho thật hài hòa, vừa mắt. Chiếc chiếu trong đời sống và trong ca dao luôn là một hình ảnh trực diện và cũng là một ẩn dụ tinh tế và đầy tình tứ về đời sống vợ chồng, về quan hệ lứa đôi, về hoạt động tính giao trai gái. Hình ảnh anh trai em nằm là một ví von đầy tình tứ, thể hiện sự đầm ấm giao hoà, kết nối thiêng liêng trong tình yêu trai gái và lương duyên chồng vợ. Người Kiên Giang đã dùng hình ảnh chiếc chiếu tinh xảo, bền đẹp được dệt nên từ tình yêu xứ sở để ví von với sự bền chặt thủy chung “ngàn năm cũng chờ” của lương duyên chồng vợ. Đồng thời còn có một giai thoại su tâm được ở Hà Tiên kể lại rằng khi giặc Pháp dẫn Nguyễn Trung Trực ra pháp trường hành quyết, người dân Tà Niên đã mang hàng trăm chiếc chiếu mà họ đã thức suốt đêm cùng nhau dệt ra trải hai bên đường để tiễn đưa ông. Khi ông bị hành quyết, máu của ông đã rơi xuống giữa tám chiếu và nhuộm thành một chữ Thọ đỏ tươi. Sự kiện này đã giải thích vì sao chiếc chiếu Tà Niên sau này luôn được dệt với chữ Thọ màu đỏ bên trong.

Nhìn chung, từ nguồn tư liệu ca dao đã được chỉnh lý sau điền dã tại Hà Tiên, có thể nhận thấy ba đặc điểm nội dung nổi bật phản ánh cấu trúc văn hóa – lịch sử của vùng đất này. Trước hết, ca dao địa danh thể hiện rõ chức năng tái hiện không gian tự nhiên và văn hóa đặc trưng của Hà Tiên. Các thắng cảnh nổi tiếng xuất hiện dày đặc trong lời ca, vừa như những bức phong cảnh thủy mặc sinh động, vừa như những biểu tượng văn hóa mang chiều sâu lịch sử. Những hình ảnh này cho thấy vai trò của cảnh quan trong việc kiến tạo bản sắc địa phương, đồng thời khẳng định sự gắn bó mật thiết giữa cư dân với không gian sống nơi biên viễn cực Tây Nam Tổ quốc. Thứ hai, ca dao lưu giữ ký ức cộng đồng thông qua hệ thống địa danh gắn với truyền thuyết và giai thoại. Những câu chuyện này được lưu truyền qua ca dao không chỉ như hình thức giải thích địa danh, mà còn là phương thức cư dân dùng để khẳng định cội nguồn, tri ân tiên nhân và tái hiện lịch sử mở đất của họ Mạc. Nhờ vậy, ca dao trở thành một kho tàng ký ức sống động, nơi ký ức lịch sử, tín ngưỡng dân gian và tâm lý cộng đồng được bảo tồn qua nhiều thế hệ. Cuối cùng, ca dao phản ánh đậm nét đời sống kinh tế biển và các sản vật địa phương, làm nổi bật vai trò của biển – đảo trong sinh kế, giao thương và bản sắc văn hóa Hà Tiên. Trong ca dao, kinh tế biển không chỉ là phương tiện mưu sinh mà còn trở thành chất liệu thẩm mỹ và hình tượng văn hóa đậm sắc thái vùng miền. Tổng hòa ba mảng nội dung trên cho thấy ca dao Hà Tiên vừa là tấm gương phản chiếu cảnh quan – lịch sử – văn hóa địa phương, vừa là minh chứng sinh động cho sức sống bền bỉ của văn học dân gian trong việc lưu giữ bản sắc, ký ức và tinh thần cộng đồng nơi vùng đất giàu truyền thống này.

4. Kết luận

Từ kết quả sưu tầm và nghiên cứu văn học dân gian Hà Tiên, có thể nhận thấy diện mạo văn học dân gian nơi đây tuy không thật dồi dào về trữ lượng và thể loại so với nhiều tỉnh thành khác thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nhưng lại sở hữu những giá trị nội dung đặc sắc, gắn với không gian văn hóa – lịch sử độc đáo của vùng đất cực Tây Nam Tổ quốc. Ca dao Hà Tiên trước hết nổi bật ở khả năng tái hiện phong cảnh thiên nhiên kỳ thú, hệ thống địa danh giàu chiều sâu văn hóa và đời sống sinh hoạt của cộng đồng cư dân đa tộc người. Những câu ca mộc mạc nhưng chân thành cho thấy

niềm tự hào, tình yêu quê hương và sự gắn bó bền chặt của người dân đối với mảnh đất nơi biển, đảo, rừng, núi, hồ, hang động... hòa quyện thành một tổng thể cảnh quan hài hòa, phong phú. Tổng hòa ba mảng nội dung đặc sắc vừa phân tích ở trên cho thấy ca dao Hà Tiên vừa là tấm gương phản chiếu cảnh quan – lịch sử – văn hóa địa phương, vừa là minh chứng sinh động cho sức sống bền bỉ của văn học dân gian trong việc lưu giữ bản sắc, ký ức và tinh thần cộng đồng nơi vùng đất giàu truyền thống này.

Đúng như tên gọi “đất Phật người hiền”, đất và người Hà tiên đã hiện diện trong ca dao hay thực ra là trong tâm thức cộng đồng như là một vùng đất vừa hội tụ các thắng cảnh thiên nhiên tươi đẹp, kỳ vĩ, vừa hội tụ các luồng văn hoá đa dạng từ các tộc người cộng cư. Tất cả đã tạo nên một vùng văn hoá vừa có lịch sử lâu đời vừa đầy tính tâm linh huyền bí. Cuối cùng, chúng tôi muốn dùng lời triu mến của thi sĩ Đông Hồ dành cho Hà Tiên để thay cho lời kết của bài viết, rằng: “Đất nước Hà Tiên - quê hương của mình sao mà có nhiều duyên dáng, đáng yêu quá. Biển rừng, hồ núi bao bọc quanh đây, như chiếc nôi êm ái của đũa hài nhi...” (Đông Hồ, 2017).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Kiên Giang (1986), *Tim hiểu Kiên Giang*, Kiên Giang
- [2] Đông Hồ (1970); *Văn Học Miền Nam – Văn Học Hà Tiên*, Quỳnh Lâm xuất bản.
- [3] Giang Minh Đoán (1997); *Kiên Giang qua ca dao*; Nhà xuất bản Văn nghệ, TP HCM
- [4] Võ Văn Sen, Ngô Thị Phương Lan, Lê Giang (đồng chủ biên, 2025). *Địa chí Hà Tiên*. Nhà xuất bản Giáo dục (Phần *Văn học dân gian Hà Tiên* trong sách này do La Mai Thi Gia, Phan Xuân Viện, Lê Thị Thanh Vy biên soạn).
- [5] Lê Trí Viễn (cb, 1990); *Thơ văn Kiên Giang trong nhà trường* (phổ thông cơ sở cấp II); Sở giáo dục Kiên Giang.
- [6] Trần Thị Hoàng Mỹ (2016); “Biển trong văn học dân gian Kiên Giang”, *Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một*, số 4 (29) – 2016.
- [7] Trương Thanh Hùng (2016); *Ca dao - hò vè sưu tầm trên đất Kiên Giang*; Nhà xuất bản Hội nhà văn.